

Số: /GPMT-SNN&MT Hà Nam, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 01/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hà Nam;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Hải Vượng - Đại diện liên danh nhà đầu tư Công ty TNHH Hải Vượng và Công ty TNHH đầu tư xây dựng Vinh Phát (theo thỏa thuận liên danh ngày 01/10/2021) về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới Bắc Bình Mỹ tại xã Đồn Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam tại Văn bản số 07TTr/HV-BBM ngày 27/3/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Liên danh nhà đầu tư Công ty TNHH Hải Vượng có địa chỉ trụ sở chính tại tiểu khu Bình Thắng, thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam và Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Vinh Phát có địa chỉ trụ sở chính tại Tổ 8, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới Bắc Bình Mỹ tại xã Đồn Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới Bắc Bình Mỹ (hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày.đêm – giai đoạn 1).

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Đồn Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Công ty TNHH Hải Vượng, mã số doanh nghiệp: 0700186783, đăng ký lần đầu ngày 16/02/2000 đăng ký thay đổi lần 14 ngày 27/03/2023. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Vinh Phát, mã số doanh nghiệp: 0700635012, đăng ký lần đầu ngày 21/01/2013 đăng ký thay đổi lần 10 ngày 26/07/2024. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

1.4. Mã số thuế:

- Công ty TNHH Hải Vượng: 0700186783.

- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Vinh Phát: 0700635012.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: đầu tư xây dựng khu dân cư mới.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Diện tích: 132.033,3m² (theo các Quyết định giao đất của UBND tỉnh: số 1074/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 và Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 11/11/2024), quy mô dân số khoảng 1.500 người.

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): dự án có tiêu chí như dự án nhóm B.

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Liên danh Công ty TNHH Hải Vượng và Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Vinh Phát.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Liên danh Công ty TNHH Hải Vượng và Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Vinh Phát có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm.

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày tháng năm 2035).

Điều 4. Giao phòng Quản lý môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Liên danh Công ty TNHH Hải Vượng và Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Vinh Phát (để t/h);
- UBND huyện Bình Lục;
- UBND xã Đồn Xá;
- VPS, TT TTDL&PTQĐ (đăng web);
- Lưu: VT, MT, HS.

GIÁM ĐỐC

Phạm Hồng Sơn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNN&MT

ngày tháng năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hà Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của các hộ dân.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà văn hóa.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ khu thương mại dịch vụ.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vận hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

- Kênh tiêu BH9 đoạn chảy qua xã Đôn Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Tọa độ vị trí xả nước thải (Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0) như sau: X(m)= 2269215,802; Y(m) = 604832,309.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 150 m³/ngày đêm.

- 2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức (Nước thải sau xử lý được bơm cưỡng bức ra kênh tiêu BH9 bằng ống PVC D110mm, L=30m).

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

- 2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, k=1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30		

8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Hệ thống thu gom nước thải được thiết kế riêng biệt với hệ thống thu gom nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt của các hộ dân, nhà văn hóa, khu thương mại dịch vụ, nhà vận hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung được thu gom vào tuyến cống HDPE D300 (tổng chiều dài khoảng 2.716m) qua các hố ga dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 150m³/ngày đêm – giai đoạn 1 để xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi xả ra kênh tiêu BH9 đoạn chảy qua xã Đồn Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà ở của các hộ dân, nhà văn hóa, khu thương mại dịch vụ, nhà vận hành trạm xử lý nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại → Hố ga thu gom nước thải → Bể thu gom, tách rác → Bể điều hòa → Bể xử lý Anoxic → Bể xử lý sinh học MBBR → Bể lắng đứng → Bể khử trùng → Kênh tiêu BH9.

- Công suất thiết kế: 150m³/ngày.đêm – giai đoạn 1.

- Hóa chất sử dụng: hóa chất khử trùng Javen 10% (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

* Phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Trang thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng.
- Thường xuyên kiểm tra để phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố như: tắc vỡ đường ống, rò rỉ bể xử lý, hỏng bơm và các thiết bị xử lý.

- Có nhật ký vận hành của hệ thống để kịp thời phát hiện nguyên nhân khi xảy ra sự cố. Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho trạm xử lý nước thải.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu

giữ, luân chuyển trong các bể của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp thời gian khắc phục sự cố kéo dài chủ dự án sẽ thuê đơn vị có năng lực đến thu gom nước thải mang đi xử lý theo quy định.

- Bố trí nhân viên vận hành hệ thống đảm bảo vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: (*Dự kiến từ tháng 01 năm 2026 đến hết tháng 06 năm 2026*) hoặc theo thực tế lấp đầy khu dân cư.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải công suất 150m³/ngày.đêm – giai đoạn 1.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Nước thải sinh hoạt trước hệ thống xử lý tại Bể thu gom. Tọa độ vị trí lấy mẫu nước thải trước xử lý (*Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu 3⁰*) như sau: X(m)= 2269202; Y(m)= 604794.

- Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý tại Bể khử trùng. Tọa độ vị trí lấy mẫu nước thải sau xử lý (*Hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu 3⁰*) như sau: X(m)= 2269218; Y(m)= 604794.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Thực hiện áp dụng so sánh chất lượng nước thải sinh hoạt theo QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột A) từ ngày 01 tháng 01 năm 2032.

3.2. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất

để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNN&MT

ngày tháng năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hà Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của các máy bơm, máy thổi khí của trạm xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày.đêm – giai đoạn 1.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung có tọa độ (Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu 3⁰) như sau: X(m)= 2269219; Y(m) = 604790.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian trong ngày và mức ồn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại dự án.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNN&MT

ngày tháng năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hà Nam)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Dự án đi vào hoạt động, khối lượng các loại chất thải nguy hại dự kiến phát sinh như sau:

STT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	53
2	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	16 01 06	37
3	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	22
4	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	32
5	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	16 01 13	116
6	Chất tẩy rửa thải	16 01 10	207,4
7	Vỏ bao bì chứa hoá chất BVTV và diệt trừ các loài gây hại thải	14 01 08	8
8	Pin, ắc quy thải	19 06 01	94
	Tổng		569,4

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

- Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải: Khối lượng phát sinh khoảng 16,4 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải sinh hoạt từ khu vực nhà ở, nhà văn hóa, khu công cộng khoảng 569 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa có dung tích 50 lít, ghi tên chất thải, mã chất thải nguy hại, dấu hiệu cảnh báo ở bên ngoài thùng chứa.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa khoảng: 18 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho được xây tường bao bằng gạch, nền láng xi măng chống thấm, mái vì kèo, lợp tôn, có cửa ra vào. Trong kho bố trí 08 thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 120 lít để chứa riêng từng loại chất thải nguy hại, các thùng chứa CTNH được dán mã, nhãn cảnh báo từng loại CTNH tương ứng. Ngoài cửa kho có biển hiệu cảnh báo CTNH, kho bố trí bình phòng cháy chữa cháy, thùng chứa cát và xẻng.

2.2. Thiết bị, hệ thống công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa bằng thùng chứa có nắp đậy dung tích 200-240 lít.

- Khu vực lưu giữ:

+ Diện tích khoảng 18m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Có tường bao, mái lợp tôn, nền láng xi măng chống thấm.

+ Bố trí các thiết bị lưu giữ, xe đẩy chứa chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Nghị định số 05/2025/NĐCP ngày 06/1/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-SNN&MT

ngày tháng năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hà Nam)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Tiếp tục thực hiện đầu tư hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày.đêm - giai đoạn 2 và hệ thống đường ống kết nối đầu vào và đầu ra của nước thải trước và sau khi xử lý theo nội dung Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Sau khi hoàn thành các hạng mục nêu trên, Liên danh Công ty TNHH Hải Vượng và Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Vinh Phát có trách nhiệm báo cáo Sở Nông Nghiệp và Môi trường tỉnh Hà Nam để được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Khoản

22 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ. Đảm bảo đủ diện tích cây xanh theo quy định.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đề bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề xuất cấp phép. Trong quá trình thực hiện nếu chủ dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải có Văn bản báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để được kiểm tra và hướng dẫn./.